| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐÔNG HƯNG**<br>**TỈNH THÁI BÌNH**<br>---***--- | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 18/2020/HS- ST
Ngày 26/3/2020

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
********
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hà Thị Nhung**.**

*Các hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Đình Cự và bà Nguyễn Thị Vĩnh

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa****:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:***Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên

Trong ngày 26tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số15/2020/ TLST- HSST ngày 28tháng 02 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST - HSngày 12/3/2020đối với:

***Các bị cáo***:

1. **Hoàng Duy H;** Giới tính: Nam, sinh ngày 01/6/1979.

Nơi sinh và nơi cư trú: Thôn BL, xã NX, huyện ĐH, tỉnh TB; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Hoàng Duy Th; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T; Vợ: Đầu Thị Q, Có 1 con, sinh năm 2003.

Tiền án: Không;

Tiền sự: 02; Ngày 05/02/2018 bị Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh TB áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 24 tháng. Sau khi bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính H bỏ trốn, Công an huyện ĐH ra quyết định truy tìm. Ngày 10/12/2019 bị Công an huyện ĐH xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi Trộm cắp tài sản H chưa thi hành. Ngày 12/12/2019 H bị tạm giữ giao cho Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh TB. Ngày 11/02/2020 H được giám đốc cơ sở cai nghiện ma túy tạm thời đưa ra khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Về nhân thân: H đã hai lần bị Uỷ ban nhân dân tỉnh TB áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vào năm 1999 và 2005 theo quyết định số 280 ngày 10/8/1999 và quyết định số 3936 ngày 29/12/2005. Ngày 17/6/2008 bị Tòa án nhân dân huyện ĐH xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp tài

sản" theo bản án số 37 ngày 17/6/2008; Ngày 25/9/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh BD xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 114 ngày 25/9/2015. H đã chấp hành xong cả hai bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/02/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện ĐH.

2. **Nguyễn Trọng Đ;** Giới tính: Nam, sinh ngày 14/5/1972.

Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn TP, xã NX, huyện ĐH, tỉnh TB.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Nguyễn Trọng M, đã chết; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L, đã chết; Vợ: Nguyễn Thị Ng; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01.Ngày 10/12/2019bị Công an huyện ĐH, tỉnh TB xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi "Trộm cắp tài sản" theo Quyết định số 103 ngày 10/12/2019. Điểm đã thi hành xong.

Về nhân thân: Ngày 28/6/2010 bị Tòa án nhân dân huyện ĐH xử phạt 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Bản án số 23 ngày 28/6/2010. Bị cáo bị nhiễm HIV, hiện tại đang ở giai đoạn CD4 – chưa nhiễm trùng cơ hội. Gia đình thuộc hộ nghèo

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/12/2019, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện ĐH.

*(Các bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa)*

- ***Bị hại***: Anh Phạm Đình T1, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn CD, xã ĐL, huyện ĐH, tỉnh TB.

- ***Người làm chứng***:

1. Anh Lê Xuân H1, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn ĐV, xã ĐL, huyện ĐH, tỉnh TB.

2. Chị Bùi Thị D, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn ĐV, xã ĐL, huyện ĐH, tỉnh TB.

3. Chị Nguyễn Thị M1, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn TP, xã NX, huyện ĐH, tỉnh TB.

4. Anh Lưu Hoàng Đ1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn BL, xã NX, huyện ĐH, tỉnh TB.

*(Người bị hại và người làm chứng đều vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Duy H và Nguyễn Trọng Đ đều là người sử dụng ma túy quen biết nhau. Khoảng 20 giờ ngày 11/12/2019, H điều khiển xe máy điện nhãn hiệu Honda X8, màu đen, trắng, biển kiểm soát 17MĐ3 - 083.77, từ nhà H sang nhà

Đ chơi. Sau khi cùng nhau ăn uống H rủ Đ đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Điểm đồng ý. H điều khiển xe máy điện chở Đ đến quán ăn của anh Lưu Hoàng Đ1, sinh năm 1988 ở khu đô thị phía Tây quốc lộ 10, thị trấn ĐH để mượn xe mô tô biển kiểm soát 17B3 - 44532 của anh Đ1. Khi mượn xe H chỉ nói là đi có việc. Anh Đ1 đồng ý. H đã để lại xe đạp điện ở quán của anh Đ1 và điều khiển xe mô tô mượn của anh Đ1 chở Đ ngồi sau đi từ thị trấn ĐH đến ĐL, mục đích quan sát nếu phát hiện có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến xưởng sửa chữa ô tô TT của ông Phạm Đình T1, H phát hiện thấy 02 thanh sắt để ở nền bê tông trước cửa xưởng. H nói với Đ: "Hay là lấy thanh sắt về bán", Đ bảo: "Ừ". H điều khiển xe đi qua xưởng khoảng 6 mét rồi quay xe lại sang bên kia đường và dừng lại đối diện với cửa xưởng. Cả hai xuống xe, dựng xe ở ven đường rồi đi bộ sang đường đến gần vị trí hai thanh sắt thì thấy trong hai thanh sắt có 01 thanh dài và một thanh ngắn hơn. H và Đ thống nhất lấy thanh sắt ngắn hơn để dễ vận chuyển. Sau đó, hai người cùng bê thanh sắt sang đường rồi để ở vệ cỏ gần vị trí chiếc xe môtô. Do thanh sắt dài và nặng không di chuyển được nên H bảo Đ đi mượn xe lôi để chở thanh sắt, còn H ở lại canh coi. Điểm đồng ý điều khiển xe mô tô đi về nhà chị Nguyễn Thị M1 để mượn xe lôi, khi mượn Đ nói dối là "để kéo máy phát". Chị M1 đồng ý. Điểm lấy chiếc dây co giãn màu đen có sẵn ở xe lôi rồi buộc tay kéo xe lôi vào đuôi xe mô tô kéo ra vị trí H đang đứng đợi. Khi H và Đ đang bê thanh sắt lên xe lôi thì bị lực lượng Công an huyện ĐH phát hiện. Công an huyện ĐH đã đưa H và Đ về UBND xã ĐL lập biên bản sự việc và quản lý của H và Đ 01 thanh sắt hình chữ U, dài 04 mét, rộng 0,14 mét, cao 0,07 mét đã han gỉ; 01 xe mô tô biển kiểm soát 17 B3 - 445.32; 01 xe lôi loại có 3 bánh hơi có thùng bằng kim loại và 01 dây cao su màu đen, sau đó đưa H và Đ về Công an huyện ĐH để làm việc.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 286a ngày 12/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện ĐH kết luận: 01 thanh sắt hình chữ U, dài 04 m, rộng 0,14 m, cao 0,07 m đã han gỉ của ông Phạm Đình T1 có trị giá là 245.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)*.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản còn nguyên vẹn nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường

Tại phiên tòa các bị cáo H, Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cụ thể: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 11/12/2019, Hoàng Duy H và Nguyễn Trọng Đ có hành vi lén lút trộm cắp 01 thanh sắt dạng chữ U, kích thước (4 x 0,14 x 0,07) mét, màu nâu đen đã cũ của ông Phạm Đình T1, có trị giá là 245.000 đồng.

H còn khai nhận đã bị Công an huyện ĐH xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.000.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản vào ngày 10/12/2019; Tháng 02/2018 bị Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh TB áp dụng biện pháp xử lý

hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 24 tháng, H chưa thi hành xong quyết định này.

Ngoài ra năm 2005 và năm 2009 H bị Uỷ ban nhân dân tỉnh TB áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc; Tháng 6/2008 còn bị Tòa án nhân dân huyện ĐH xử phạt Hùng 03 năm tù về tội "Cướp tài sản"; Ngày 25/9/2015 của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh BD xử phạt H 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" H đã chấp hành xong hai bản án trên.

Điểm còn khai nhận đã bị Công an huyện ĐH xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền theo Quyết định số 103 ngày 10/12/2019, về hành vi Trộm cắp tài sản Đ đã nộp tiền ngày 20/12/2019. Ngày 28/6/2010 bị Tòa án nhân dân huyện ĐH xử phạt 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Hiện gia đình Điểm rất khó khăn thuộc diện hộ nghèo. Điểm bị nhiễm HIV.

Tại phiên tòa anh T1, chị M1, anh Đ1 vắng mặt không có ý kiến trình bày;

Căn cứ vào hành vi phạm tội của các bị cáo. Cáo trạng số 19/CT- VKSĐH ngày 27/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH đã truy tố Hoàng Duy H và Nguyễn Trọng Đ về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm a, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH giữ quyền công tố tại phiên tòa phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm, hậu quả, nhân thân của các bị cáo, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên cơ sở đó giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng 19/CT- VKSĐH ngày 27/02/2020 đồng thời đề nghị HĐXX kết tội các bị cáo Hoàng Duy H và Nguyễn Trọng Đ về tội: "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng Điểm a, khoản 1 Điều 173; điểm h, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 58, và Điều 17 Bộ luật hình sự đối với cả 02 bị cáo. Bị cáo Đ thuộc diện hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51. Tuyên phạt bị cáo H từ 09 – 12 tháng tù; phạt Đ từ 08 – 10 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Anh T1 đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường nên không phải giải quyết.

Các bị cáo H, Đ đều xác định cáo trạng truy tố các bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản là đúng pháp luật vì vậy không trình bày lời bào chữa, cũng không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh, mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị.

Kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa các bị cáo nói lời nói sau cùng: Đều nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các quy định của pháp luật để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

## PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Các tài liệu chứng cứ do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án thì thấy đã tuân thủ các quy định của pháp luật. Đó là các tài liệu hợp pháp chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo. Căn cứ vào các hành

vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện ĐH, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa đúng như lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và hoàn toàn phù hợp với cáo trạng số 19/CT- VKSĐH ngày 27/2/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH đã truy tố.

Lời khai nhận tội của các bị cáo còn phù hợp với: Lời khai của người bị hại, lời khai của những người làm chứng cùng toàn bộ các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 11/12/2019, Hoàng Duy H và Nguyễn Trọng Đ là những người đã có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản chưa hết thời hạn xóa tiền sự đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 thanh sắt dạng chữ U, kích thước (4 x 0,14 x 0,07) mét, màu nâu đen đã cũ của ông Phạm Đình T1 có trị giá là 245.000 đồng. Do vậy hành vi của Hoàng Duy H và Nguyễn Trọng Đ đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

**Điều 173. Tội trộm cắp tài sản**

*1.Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a) Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm.*

.....

[3] Xét tích chất mức độ hậu quả hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo thấy rằng**:**

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự an ninh, an toàn xã hội. Các bị cáo H, Đ đều là những người có nhân thân xấu, đều đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt, là người nghiện ma túy, H đã từng bị bị xét xử về tội " Cướp tài sản" và tội " Trộm cắp tài sản" Điểm bị xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng sau khi thi hành xong quyết định xử phạt hành chính và thi hành xong bản án của các cơ quan có thẩm quyền các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, do vậy việc đưa các bị cáo ra xét xử áp dụng cho một mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly

các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạmđồng thời mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều có sự bàn bạc thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội. H là người rủ rê, khởi xướng cũng là người thực hành H là người trực tiếp chuẩn bị phương tiện để chở Đ đi trộm cắp, cùng với Đ bê thanh sắt sang đường chuyển dịch tài sản khỏi nơi quản lý của chủ sở hữu. Khi không thể vận chuyển được thanh sắt đi H ở lại trông coi tài sản để Đ đi mượn phương tiện vận chuyển là xe lôi đến để chở tài sản trộm cắp đi tẩu tán. Do vậy H giữ vai trò thứ nhất

Điểm là người giúp sức tích cực cho H, khi H rủ đi trộm cắp, Đ thống nhất ý chí với H về việc cùng đi trộm cắp lấy tiền tiêu xài. Đ cùng H bê thanh sắt sang đường chuyển dịch tài sản khỏi nơi quản lý của chủ sở hữu. Khi không thể vận chuyển được thanh sắt đi Đ đã trực tiếp đi mượn phương tiện vận chuyển là xe lôi lấy dây co dãn buộc tay kéo xe lôi vào đuôi xe mô tô kéo ra đến chỗ để tài sản trộm cắp mà H đang trông coi  mục đích chở tài sản đi tẩu tán. Điểm giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s,h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người nghiện ma túy không có thu nhập, không có việc làm ổn định. Gia đình các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn. Đ thuộc diện hộ nghèo do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh T1 đã nhận lại tài sản bị mất là 01 thanh sắt dạng chữ U, kích thước (4 x 0,14 x 0,07) mét, màu nâu đen, đã han gỉ, khối lượng 49 kg và không có yêu cầu bồi nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Đ thuộc diện hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí do vậy cần miễn án phí cho bị cáo Đ.

[ 10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại được kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Trong vụ án này anh Lưu Hoàng Đ1 và chị Nguyễn Thị M1 là người cho H và Đ mượn xe máy và xe lôi nhưng anh Đ1 và chị M1 không biết H, Đ dùng các phương tiện trên vào việc trộm cắp nên không xử lý.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, sơn màu xanh đen, đeo biển kiểm soát:17B3–445.32, số khung: 3907HY764740, số máy: JA39E0744893, quản lý của H, qua điều tra xác định của anh Lưu Hoàng Đ1, H mượn xe của Đ1 nhưng anh Đ1 không biết mục đích của H mượn xe để đi trộm

cắp tài sản; Đối với 01 xe lôi 03 bánh hơi, thùng xe bằng kim loại, 01 dây co dãn màu đen Đ mượn của chị M1. Chị M1 không biết Đ dùng xe của mình để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra Công an huyện ĐH đã trả lại xe mô tô cho anh Đ1, xe lôi và đoạn dây màu đen cho chị M1 là đúng thẩm quyền.

***Vì các lẽ trên.***

## QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố các bị cáoHoàng Duy H và Nguyễn Trọng Đ phạm tội: "Trộm cắp tài sản"

- Áp dụng: Điểm a, Khoản 1, Điều 173, Điểm s, hkhoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với cả haibị cáo.

Xử phạt Hoàng Duy H 09(chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/02/2020.

Xử phạt Nguyễn Trọng Đ 07(bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 14/12/2019.

2.Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết

3.Về án phí**:**Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 12, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo Hoàng Duy H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Trọng Đ.

4.Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người bị hại, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Các bị cáo
- Người bị hại
- VKSND huyện ĐH
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TB
- Công an huyện ĐH
- Cục THA Dân sự huyện ĐH
- UBND xã NX, ĐH ,TB
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Hà Thị Nhung**